KẾ HOẠCH BÀI DẠY

**TIẾT 94 Bài 55: PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

– Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số: tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.

- Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến phân số và phép chia số tự nhiên.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.

 - Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các yêu cầu trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Khởi động:**- Cho HS hoạt động theo nhóm đôi và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:+ YCHS quan sát tranh khởi động (trong SGK hoặc trên máy chiếu), nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh:– GV hỏi : Có 3 chiếc bánh trung thu, muốn chia đều cho 4 người thì ta làm như thế nào? - Hãy cho biết, mỗi người được nhận mấy cái bánh?- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS thảo luận nhóm đôi.- Đại diện nêu những điều mà mình quan sát được.- HS tự nêu theo ý mình.- Mỗi người nhận được  chiếc bánhHs nêu tên bài |
| **10’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới****Hình thành kiến thức về phân số và phép chia số tự nhiên (Làm việc cả lớp)**- GV trình chiếu hình SGK.C:\Users\TPC\Pictures\Screenshots\Screenshot (536).png- Mời HS nêu lại cách chia bánh hợp lí.- Như vậy, em đã lấy 3 chia 4. Đây chính là phép chia hai số tự nhiên, biểu thị bằng kí hiệu 3 : 4.- 3 có chia hết cho 4 không?- GV: Phép chia 3 : 4 không cho thương là một số tự nhiên.- Nhưng nếu thực hiện cách chia như trên thì kết quả của 3 : 4 = (chiếc bánh)- GV nêu: Có 3 chiếc bánh, chia đều cho 4 người, ta viết phép chia 3 : 4. Mỗi người nhận được  chiếc bánh- Vậy thương 3 : 4 cũng là . Ta có 3: 4 = - Giúp HS nhận ra: Phân số  có 3 là số bị chia, 4 là số chia trong phép chia. - GV chốt nhận xét 1: Thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là số bị chia và mẫu số là số chia.- Cho HS lấy ví dụ.- Hãy viết 5 thành phép chia có số chia là 1.- Hãy viết phép chia 5 : 1 dưới dạng phân số.Lấy thêm một số ví dụ khác tương tự.- Em có nhận xét gì về mẫu số của các phân số được viết từ các số tự nhiên?- Em rút ra nhận xét gì từ các ví dụ trên?- GV nêu nhận xét 2: Mọi số tự nhiên đều có thể viết thành 1 phân số có tử số là số tự nhiên đó và mẫu số bằng 1VD: 3 =  vì 3: 1 = 3. Tương tự 6 =  Ta cũng có thể viết:3 =  vì 6: 2 = 3; 5 =  vì 15 : 3 = 5; 1 =  vì 5: 5 = 1 | - Chia đều mỗi chiếc bánh thành 4 phần bằng nhau sau đó chia cho 4 người, mỗi người được nhận 3 phần bằng nhau của chiếc bánh đó. Vậy mỗi người nhận được  chiếc bánh.- Không- HS nghe.- HS nghe- HS ghi vở và nhắc lại.- HS nhắc lại.- HS lấy VD: 3: 5 = $\frac{3}{5}$ ; 5 : 4 = $\frac{5}{4}$; 9: 3= $\frac{9}{3}$; 7:7 = $\frac{7}{7}$5 = 5 : 15 : 1 =  HS lấy ví dụ.- Mẫu số đều là 1.- HS nêu nhận xét.- HS nghe và ghi nhớ. |
| **12’****6’** | **3. Thực hành – luyện tập****Bài 1/SGK/Trang 10:**- GV mời HS đọc yêu cầu đề bài.- GV hướng dẫn HS cùng tìm hiểu ví dụ, xét phép chia: 2 : 3H: - Hãy xác định các thành phần của phép chia 2 : 3- Muốn viết phép chia dưới dạng phân số ta làm như thế nào?- Vậy phép chia 2 : 3 được viết thành phân số là gì?- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân các câu còn lại.- GV mời HS lên bảng làm bài.- GV mời HS nhận xét.- GV nhận xét. | - HS đọc đề bài.- Số bị chia là 2. Số chia là 3.- Viết phép chia thành phân số với tử số là số bị chia và mẫu số là số chia.- Ta có 2 : 3 = $\frac{2}{3}$- HS thực hiện: a) 6 : 7 = $\frac{6}{7}$7 : 9 = $\frac{7}{9}$5 : 4 = $\frac{5}{4}$11 : 4 = $\frac{11}{4}$b) 9 : 3 = $\frac{9}{3}$ = 312 : 6 = $\frac{12}{6}$ = 224 : 8 = $\frac{24}{8}$ = 3 |
| **6’** | **Bài 2:Viết (theo mẫu) (Làm việc cá nhân)****-** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- Gọi HS lên bảng làm.- Nhận xét, chốt kết quả.- Tại sao 4=  ?-Tại sao 0 =  Nhận xét, KL: Mọi số tự nhiên đếu viết được dưới dạng phân số với mẫu số là 1. Không có phép chia cho 0 cũng như không có phân số có mẫu là 0. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2- 2 HS lên bảng làm, lớp làm vở, so sánh, nhận xét bài của bạn.4 = $\frac{4}{1}$ 12 = $\frac{12}{1}$ 1 = $\frac{1}{1}$ 0 = $\frac{0}{1}$ - Mọi số tự nhiên đếu viết được dưới dạng phân số với mẫu số là 1- 0 là một số tự nhiên nên ta cũng viết được dưới dạng phân số có mẫu số là 1. Mẫu số của các phân số đều khác 0. |
| **5’** | **3. Vận dụng trải nghiệm .****-** GV tổ chức vận dụng bằng tình huống sau: GV trình chiếu hình ảnh.**C:\Users\TPC\Pictures\Screenshots\Screenshot (537).png**- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS đọc tình huống của GV rồi nêu kết quả trước lớp. |
| **3’** | - Gọi HS chia sẻ nội dung bài học hôm nay.- Dặn HS xem lại bài, chuẩn bị cho bài sau: Phân số và phép chia số tự nhiên (Tiết 2) | - Chia sẻ- Lắng nghe |
|  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................